

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 174/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 15/12/2017.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Nguyễn Thị Ngọc Diệp**

2. Bà: **Nguyễn Thị Cảnh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tráng** là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐST- HNGĐ ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1965; địa chỉ: Xóm X, xã TN, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Lê Trọng T**, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm Y, xã TĐ, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt. (Có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2017, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau: Bà và ông Lê Trọng T kết hôn với nhau vào tháng 6/1986 do hai bên tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện TC, tỉnh NA. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 1987 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn nữa bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Trọng T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 07/4/1987 đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản và nợ: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai đề ngày 16/11/2017 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 16/11/2017 ông Lê Trọng T có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào tháng 6/1986 do hai bên tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện TC, tỉnh NA. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 1987 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn nữa ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 07/4/1987 đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ: Ông Lê Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn có tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Trọng T là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện TC, tỉnh NA vào tháng 6/1986. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào đầu năm 1987 và hai bên đã sống ly thân cho đến nay. Bà Nguyễn Thị T xin ly hôn thì ông Lê Trọng T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Trọng T chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, xử cho bà được ly hôn với ông Lê Trọng T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 07/4/1987 đã trưởng thành và có gia đình riêng. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Trọng T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là con của liệt sỹ và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T là đúng với quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Lê Trọng T.

Về án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T. Trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000(*Ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai số 0001168 ngày 18/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ an.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã TN;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

